

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 01 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 và bổ sung khoản 8 vào Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 như sau:

“4. Liên kết giáo dục là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài để thực hiện chương trình giáo dục tích hợp.

5. Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động tại Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ nhưng không hình thành pháp nhân mới”;

b) Bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục đào tạo hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với cơ quan, tổ chức, cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ nước ngoài tại để thực hiện việc đăng ký dự thi, sử dụng địa điểm, tổ chức thi, kiểm tra trình độ, năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam thông qua văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết.”

2. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Cơ sở giáo dục sau khi được nhà đầu tư khác góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thì phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền đã cấp quyết định thành lập và hoạt động.”

3. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đối tượng liên kết giáo dục

1. Cơ sở giáo dục mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Cung cấp đầy đủ và rõ ràng trên trang thông tin điện tử và tài liệu quảng cáo khác của cơ sở giáo dục các thông tin về người học, chương trình giáo dục và kiểm định, giáo viên nước ngoài, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, các nội dung khác theo quy định của Bộ GDĐT và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

a) Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

b) Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Chương trình đào tạo của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam là chương trình của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử;

không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các trình độ đào tạo.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Liên kết đào tạo không được tổ chức đào tạo ngoài trụ sở chính và phân hiệu của cơ sở giáo dục Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đối với tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

a) Địa điểm, cơ sở vật chất, thiết bị và đội ngũ phục vụ liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải đảm bảo an toàn, chất lượng cho công tác tổ chức thi;

b) Có phương án, thiết bị đảm bảo phòng, chống gian lận trong toàn bộ quá trình tổ chức thi;

c) Đội ngũ coi thi, giám sát và phục vụ phải được bồi dưỡng, tập huấn công tác đảm bảo chống gian lận.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt:

a) Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

b) Liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ với nước ngoài theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này;

c) Liên kết đào tạo với nước ngoài đối với ngành đào tạo giáo viên, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe sau khi có ý kiến của bộ, ngành liên quan; liên kết đào tạo của cơ sở giáo dục đại học trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Giám đốc đại học quốc gia, đại học vùng phê duyệt liên kết đào tạo theo hình thức trực tiếp trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được tổ chức tại những cơ sở này trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hiệu trưởng (Giám đốc) các cơ sở giáo dục đại học phê duyệt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo hình thức trực tiếp khi đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 45 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

4. Hiệu trưởng (Giám đốc) cơ sở giáo dục đại học Việt Nam phê duyệt liên kết đào tạo cấp chứng chỉ, trừ chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài và chứng chỉ đào tạo có giá trị tích lũy tín chỉ hoặc học phần đề cấp văn bằng”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Tên riêng của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài phải bảo đảm rõ ràng, minh bạch, không gây hiểu sai về tổ chức và nội dung hoạt động của nhà

trường; không được đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đã đăng ký, với tên của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư; không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 như sau:

“1. Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng yêu cầu sau về quy hoạch:

a) Đối với cơ sở giáo dục đại học: Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm.

b) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông: Phù hợp với nội dung quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của Luật quy hoạch.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông phải có suất đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số nhóm lớp, số trẻ với bình quân ít nhất 10 m²/trẻ đối với khu vực thành phố, thị xã và 12 m²/trẻ đối với khu vực nông thôn;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh, với mức bình quân ít nhất là 10 m²/học sinh;”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chương trình giáo dục nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phải là chương trình đã được kiểm định chất lượng giáo dục ở nước sở tại hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận về chất lượng giáo dục; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo;

b) Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm a khoản này.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Chương trình giáo dục tích hợp, chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định **môn học**, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài.”.

14. Bổ sung Điều 37a, Điều 37b, Điều 37c vào sau Điều 37 như sau:

“Điều 37a. Đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam

1. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài thành lập mới hoặc mới bắt đầu thực hiện dạy chương trình giáo dục của nước ngoài cho học sinh Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam:

a) Bản đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài đối với học sinh Việt Nam;

b) Chương trình giáo dục của nước ngoài;

c) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

d) Các minh chứng cho việc đảm bảo chất lượng giáo dục khi thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài theo quy định;

đ) Các cam kết đảm bảo quyền lợi của học sinh Việt Nam về văn bằng, chứng chỉ được cấp khi hoàn thành chương trình giáo dục nước ngoài.

Điều 37b. Thẩm quyền, thủ tục đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy chứng nhận đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài;

2. Thủ tục đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam:

a) Sở giáo dục và đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 37a Nghị định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm xem xét và thông báo kết quả bằng văn bản gửi sở giáo dục và đào tạo;

c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho sở giáo dục và đào tạo đã nộp hồ sơ.

Điều 37c. Đình chỉ hoặc chấm dứt việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam

1. Việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam bị đình chỉ nếu không bảo đảm một trong các nội dung quy định tại các điều 37, 37a, 37b Nghị định này.

2. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục khi bị đình chỉ thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam:

a) Khắc phục các vi phạm dẫn đến việc đình chỉ;

b) Bảo đảm học sinh đang theo học chương trình giáo dục nước ngoài hoàn thành khóa học;

c) Báo cáo người có thẩm quyền về kết quả khắc phục các vi phạm dẫn đến việc đình chỉ để cho phép hoạt động trở lại.

3. Việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn quy định trong quyết định cho phép thực hiện hoặc quyết định điều chỉnh;

b) Theo đề nghị của cơ sở giáo dục;

c) Hết thời hạn đình chỉ thực hiện nhưng không khắc phục được vi phạm dẫn đến đình chỉ;

d) Vi phạm quy định của quyết định cho phép hoặc quyết định điều chỉnh ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt.

4. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục khi bị chấm dứt việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam trước thời hạn.

a) Bảo đảm cho học sinh đang theo học chương trình giáo dục nước ngoài được tiếp tục học tập đến hết cấp học;

b) Bồi hoàn cho học sinh các khoản chi phí học sinh đã nộp trong trường hợp việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài bị chấm dứt hoạt động;

c) Thanh toán các khoản tiền lương, tiền công, thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giáo viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể phù hợp với quy định của pháp luật lao động;

d) Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

5. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền chấm dứt

a) Người có thẩm quyền phê duyệt thì có thẩm quyền chấm dứt;

b) Hồ sơ đề nghị chấm dứt việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài bao gồm: Đơn đề nghị chấm dứt theo Mẫu số... tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kèm theo phương án chấm dứt, các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, người lao động; phương án giải quyết tài chính, tài sản;

c) Hồ sơ đề nghị được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 37b Nghị định này;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, quyết định chấm dứt và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 53 như sau:

“2. Đối với cơ sở giáo dục nước ngoài: Có thời gian hoạt động giáo dục ít nhất là 05 năm ở nước sở tại; đã được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng giáo dục; đối với tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục: phải có các hoạt động liên quan đến giáo dục ít nhất 05 năm ở nước sở tại.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi, quyền hạn được giao, có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong lĩnh vực này tại địa phương.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với cơ sở giáo dục đang thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam, trong thời gian 2 năm kể từ ngày Nghị định

này có hiệu lực thi hành phải thực hiện việc đăng ký theo quy định tại Điều 37a, Điều 37b của Nghị định này.

b) Trường hợp các cơ sở giáo dục đang làm thủ tục xin phép thành lập hoặc xin phép hoạt động mà chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép thành lập hoặc cho phép hoạt động giáo dục thì phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổ chức kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX(2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính